|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI  **TRƯỜNG ĐIỆN – ĐIỆN TỬ**  logo_128  ĐỒ ÁN  **TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  **Đề tài:**  **APPLICATION OF WIRELESS SENSOR NETWORK TO MONITOR SOIL AND ENVIRONMENTAL PARAMETERS**  **IN FRUIT CULTIVATION**   |  |  | | --- | --- | | Sinh viên thực hiện: | Nguyen Minh Quang  Tran Dinh Nhat Thang | |  | Lớp CTTT Điện tử 01 – K65 | | Giảng viên hướng dẫn: | PGS. TS. NGUYỄN HỮU PHÁT |   Hà Nội, 7-2023 |

**ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

**(DÀNH CHO CÁN BỘ HƯỚNG DẪN)**

Tên đề tài: **Thiết kế trạm quan trắc môi trường không khí và xây dựng mô hình dự đoán thông số sử dụng mạng LSTM**

Họ tên SV: Bùi Tuấn Anh MSSV: 20182328

Cán bộ hướng dẫn: PGS. TS. Nguyễn Hữu Phát

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí**  (Điểm tối đa) | **Hướng dẫn đánh giá tiêu chí** | | **Điểm tiêu chí** |
| 1 | **Thái độ làm việc  (2,5 điểm)** | Nghiêm túc, tích cực và chủ động trong quá trình làm ĐATN | |  |
| Hoàn thành đầy đủ và đúng tiến độ các nội dung được GVHD giao | |
| 2 | **Kỹ năng viết quyển ĐATN (2 điểm)** | Trình bày đúng mẫu quy định, bố cục các chương logic và hợp lý: Bảng biểu, hình ảnh rõ ràng, có tiêu đề, được đánh số thứ tự và được giải thích hay đề cập đến trong đồ án, có căn lề, dấu cách sau dấu chấm, dấu phẩy, có mở đầu chương và kết luận chương, có liệt kê tài liệu tham khảo và có trích dẫn, v.v. | |  |
| Kỹ năng diễn đạt, phân tích, giải thích, lập luận: Cấu trúc câu rõ ràng, văn phong khoa học, lập luận logic và có cơ sở, thuật ngữ chuyên ngành phù hợp, v.v. | |  |
| 3 | **Nội dung và kết quả đạt được  (5 điểm)** | Nêu rõ tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, các vấn đề và các giả thuyết, phạm vi ứng dụng của đề tài. Thực hiện đầy đủ quy trình nghiên cứu: Đặt vấn đề, mục tiêu đề ra, phương pháp nghiên cứu/ giải quyết vấn đề, kết quả đạt được, đánh giá và kết luận. | |  |
| Nội dung và kết quả được trình bày một cách logic và hợp lý, được phân tích và đánh giá thỏa đáng. Biện luận phân tích kết quả mô phỏng/ phần mềm/ thực nghiệm, so sánh kết quả đạt được với kết quả trước đó có liên quan. | |
| Chỉ rõ phù hợp giữa kết quả đạt được và mục tiêu ban đầu đề ra đồng thời cung cấp lập luận để đề xuất hướng giải quyết có thể thực hiện trong tương lai. Hàm lượng khoa học/ độ phức tạp cao, có tính mới/tính sáng tạo trong nội dung và kết quả đồ án. | |
| 4 | **Điểm thành tích  (1 điểm)** | Có bài báo KH được đăng hoặc chấp nhận đăng/ đạt giải SV NCKH giải 3 cấp Trường trở lên/ Các giải thưởng khoa học trong nước, quốc tế từ giải 3 trở lên/ Có đăng ký bằng phát minh sáng chế. **(1 điểm)** | |  |
| Được báo cáo tại hội đồng cấp Trường trong hội nghị SV NCKH nhưng không đạt giải từ giải 3 trở lên/ Đạt giải khuyến khích trong cuộc thi khoa học trong nước, quốc tế/ Kết quả đồ án là sản phẩm ứng dụng có tính hoàn thiện cao, yêu cầu khối lượng thực hiện lớn. **(0,5 điểm)** | |
|  | | | **Điểm tổng các tiêu chí:** |  |
| **Điểm hướng dẫn:** | 9.5 |

***Nhận xét khác của cán bộ phản biện***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Cán bộ hướng dẫn**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

**(DÀNH CHO CÁN BỘ PHẢN BIỆN)**

Tên đề tài: **Thiết kế trạm quan trắc môi trường không khí và xây dựng mô hình dự đoán thông số sử dụng mạng LSTM**

Họ tên SV: Bùi Tuấn Anh MSSV: 20182328

Cán bộ phản biện: ………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** (Điểm tối đa) | **Hướng dẫn đánh giá tiêu chí** | **Điểm tiêu chí** |
| 1 | **Trình bày quyển ĐATN (4 điểm)** | Đồ án trình bày đúng mẫu quy định, bố cục các chương logic và hợp lý: Bảng biểu, hình ảnh rõ ràng, có tiêu đề, được đánh số thứ tự và được giải thích hay đề cập đến trong đồ án, có căn lề, dấu cách sau dấu chấm, dấu phẩy, có mở đầu chương và kết luận chương, có liệt kê tài liệu tham khảo và có trích dẫn, v.v. |  |
| Kỹ năng diễn đạt, phân tích, giải thích, lập luận: cấu trúc câu rõ ràng, văn phong khoa học, lập luận logic và có cơ sở, thuật ngữ chuyên ngành phù hợp, v.v. |
| 2 | **Nội dung và kết quả đạt được  (5,5 điểm)** | Nêu rõ tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, các vấn đề và các giả thuyết, phạm vi ứng dụng của đề tài. Thực hiện đầy đủ quy trình nghiên cứu: Đặt vấn đề, mục tiêu đề ra, phương pháp nghiên cứu/ giải quyết vấn đề, kết quả đạt được, đánh giá và kết luận. |  |
| Nội dung và kết quả được trình bày một cách logic và hợp lý, được phân tích và đánh giá thỏa đáng. Biện luận phân tích kết quả mô phỏng/ phần mềm/ thực nghiệm, so sánh kết quả đạt được với kết quả trước đó có liên quan. |
| Chỉ rõ phù hợp giữa kết quả đạt được và mục tiêu ban đầu đề ra đồng thời cung cấp lập luận để đề xuất hướng giải quyết có thể thực hiện trong tương lai. Hàm lượng khoa học/ độ phức tạp cao, có tính mới/ tính sáng tạo trong nội dung và kết quả đồ án. |
| 3 | **Điểm thành tích  (1 điểm)** | Có bài báo KH được đăng hoặc chấp nhận đăng/ đạt giải SV NCKH giải 3 cấp Trường trở lên/ Các giải thưởng khoa học trong nước, quốc tế từ giải 3 trở lên/ Có đăng ký bằng phát minh sáng chế. **(1 điểm)** |  |
| Được báo cáo tại hội đồng cấp Trường trong hội nghị SV NCKH nhưng không đạt giải từ giải 3 trở lên/ Đạt giải khuyến khích trong cuộc thi khoa học trong nước, quốc tế/ Kết quả đồ án là sản phẩm ứng dụng có tính hoàn thiện cao, yêu cầu khối lượng thực hiện lớn. **(0,5 điểm)** |
|  | | **Điểm tổng các tiêu chí:** |  |
| **Điểm phản biện:** |  |

***Nhận xét khác của cán bộ phản biện***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Cán bộ phản biện**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

**(DÀNH CHO CÁN BỘ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG)**

Hội đồng số: …………………………………………………………………………………….

Họ tên SV: Bùi Tuấn Anh MSSV: 20182328

Cán bộ thành viên HĐ: ………………………………………………………………………….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** (Điểm tối đa) | **Hướng dẫn đánh giá tiêu chí** | **Điểm tiêu chí** |
| 1 | **Chất lượng slides/Bản vẽ kỹ thuật** (1,5 điểm) | Sử dụng các minh họa hỗ trợ: Hình ảnh, biểu đồ rõ nét và phù hợp, dễ hiểu |  |
| Không quá nhiều từ, biết sử dụng từ khoá; bố cục logic, có đánh số trang |
| 2 | **Kỹ năng thuyết trình** (1,5 điểm) | Tự tin, làm chủ nội dung trình bày, đúng thời gian quy định |  |
| Dễ hiểu, dễ theo dõi, lô-gic, lôi cuốn. |
| 3 | **Nội dung và kết quả đạt được** (4 điểm) | Nêu rõ tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, các vấn đề và các giả thuyết, phạm vi ứng dụng của đề tài. Thực hiện đầy đủ quy trình nghiên cứu: Đặt vấn đề, mục tiêu đề ra, phương pháp nghiên cứu/ giải quyết vấn đề, kết quả đạt được, đánh giá và kết luận. |  |
| Nội dung và kết quả được trình bày một cách logic và hợp lý, được phân tích và đánh giá thỏa đáng. Biện luận phân tích kết quả mô phỏng/ phần mềm/ thực nghiệm, so sánh kết quả đạt được với kết quả trước đó có liên quan. |
| Chỉ rõ phù hợp giữa kết quả đạt được và mục tiêu ban đầu đề ra đồng thời cung cấp lập luận để đề xuất hướng giải quyết có thể thực hiện trong tương lai. Hàm lượng khoa học/ độ phức tạp cao, có tính mới/ tính sáng tạo trong nội dung và kết quả đồ án. |
| 4 | **Trả lời câu hỏi** (2,5 điểm) | Trả lời ngắn gọn, chính xác, đi thẳng vào vấn đề của câu hỏi. |  |
| Nắm vững kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu/ công việc của đồ án. |
| 5 | **Điểm thành tích** (1 điểm) | Có bài báo KH được đăng hoặc chấp nhận đăng/ đạt giải SV NCKH giải 3 cấp Trường trở lên/ Các giải thưởng khoa học trong nước, quốc tế từ giải 3 trở lên/ Có đăng ký bằng phát minh sáng chế. **(1 điểm)** |  |
| Được báo cáo tại hội đồng cấp Trường trong hội nghị SV NCKH nhưng không đạt giải từ giải 3 trở lên/ Đạt giải khuyến khích trong cuộc thi khoa học trong nước, quốc tế/ Kết quả đồ án là sản phẩm ứng dụng có tính hoàn thiện cao, yêu cầu khối lượng thực hiện lớn. **(0,5 điểm)** |
|  |  | **Điểm tổng các tiêu chí:** |  |
|  |  | **Điểm bảo vệ:** |  |

***Nhận xét khác của cán bộ phản biện***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Cán bộ thành viên HĐ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**LỜI NÓI ĐẦU**

Trong thời đại công nghệ 4.0, vạn vật kết nối, mọi khía cạnh của cuộc sống đều được lan tỏa và cải tiến nhờ vào sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo. Trong bối cảnh này, việc ứng dụng công nghệ để giải quyết các vấn đề xã hội ngày càng trở nên cấp thiết và quan trọng và tạo ra nhiều thay đổi cho nền kinh tế từ việc tối ưu năng suất lao động cho con người đến hỗ trợ theo dõi và dự báo tương lai.

Ô nhiễm khí là một vấn đề nghiêm trọng đang đối mặt với Việt Nam. Trong những năm gần đây, sự gia tăng nhanh chóng của dân số, công nghiệp và giao thông đã góp phần làm tăng mức độ ô nhiễm khí trong không khí. Các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm không khí đáng lo ngại. Các nguồn gây ô nhiễm khí chủ yếu bao gồm phương tiện giao thông, nhà máy công nghiệp, đốt nhiên liệu hóa thạch và các hoạt động nông nghiệp. Theo kết quả nghiên cứu của Viện Môi trường và tài nguyên (Đại học Quốc gia TP.HCM), khí thải từ xe máy đang là nguồn gây ô nhiễm không khí lớn nhất cho TPHCM. Cụ thể, xe máy "đóng góp" 90% lượng CO, 65,4% NMVOC, 37,7% bụi và 29% Nox. Các chất ô nhiễm như PM2.5 (bụi mịn), có kích thước nhỏ và có khả năng thâm nhập sâu vào hệ hô hấp, gây ra các vấn đề về hô hấp, tim mạch và hệ thống miễn dịch. Khí NO2 và SO2 có thể gây kích ứng mắt, đau đầu, và các vấn đề về hô hấp. CO là một chất khí độc, có thể gây ngộ độc nghiêm trọng nếu tiếp xúc với nồng độ cao.

Việc giảm ô nhiễm khí là một thách thức lớn đối với Việt Nam. Cần thiết phải thực hiện các biện pháp như cải thiện chất lượng nhiên liệu, khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng và xe điện, đầu tư vào công nghệ sạch trong sản xuất và điện lực, và quản lý chặt chẽ các nguồn ô nhiễm. Ngoài ra, việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về tác động của ô nhiễm khí và tăng cường quản lý môi trường cũng rất quan trọng. Trong đó việc giám sát chặt chẽ chất lượng không khí sẽ giúp chúng ta có thể theo dõi nồng độ ô nhiễm tại khu vực cụ thể từ đó đưa ra biện pháp hoặc có thể kịp thời thông báo đến người dân để có nhứng biện pháp phòng chống kịp thời tránh những tác động lâu dài về sức khỏe

Từ những vấn đề nêu trên mục tiêu của đề tài là xây dựng một hệ thống trạm cảm biến để đo lường các thông số ô nhiễm không khí như ô nhiễm bụi mịn (PM2.5, PM10), ô nhiễm khí (SO2, NO2, CO, O3). Đồng thời, em sẽ áp dụng mô hình RNN (Recurrent Neural Network) để dự đoán thông số môi trường dựa trên dữ liệu thu thập từ trạm cảm biến giúp phần nào có thể dự đoán được nồng độ ô nhiễm trong tương lai để có thể sớm hơn đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm phòng tránh tác động đến sức khỏe con người.

Trong quá trình thực hiện đồ án, em đã gặp rất nhiều khó khăn từ về kinh nghiệm, kinh phí cũng như lượng kiến thức còn hạn hẹp, nhưng nhờ có sự chỉ dạy của thầy hướng dẫn đã giúp em hoàn thành đồ án. Em xin được gửi lời cảm ơn tới thầy **PGS. TS. Nguyễn Hữu Phát** đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ dạy tận tình và động viên giúp em vượt qua khó khăn trong quá trình thực hiện đồ án này.

Em xin chân thành cảm ơn !

**LỜI CAM ĐOAN**

Tôi tên là **BÙI TUẤN ANH**, mã số sinh viên 20182328, sinh viên lớp ĐTVT 06, khóa 63. Người hướng dẫn là **PGS. TS. NGUYỄN HỮU PHÁT**. Tôi xin cam đoan toàn bộ nội dung được trình bày trong đồ án **"Thiết kế trạm quan trắc môi trường không khí và xây dựng mô hình dự đoán thông số sử dụng mạng LSTM"** là kết quả quá trình tìm hiểu và nghiên cứu của tôi. Các dữ liệu được nêu trong đồ án là hoàn toàn trung thực, phản ánh đúng kết quả đo đạc thực tế. Mọi thông tin trích dẫn đều tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ; các tài liệu tham khảo được liệt kê rõ ràng. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm với những nội dung được viết trong đồ án này.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Hà nội, ngày 30 tháng 07 năm 2023  **Người cam đoan**  **Bùi Tuấn Anh** |

**Table of Contents**

[DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT 6](#_Toc169535192)

[DANH MỤC HÌNH VẼ 6](#_Toc169535193)

[DANH MỤC BẢNG BIỂU 6](#_Toc169535194)

[TÓM TẮT ĐỒ ÁN 6](#_Toc169535195)

[PHẦN MỞ ĐẦU 6](#_Toc169535196)

[CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN ĐỀ TÀI 6](#_Toc169535197)

[CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT 6](#_Toc169535198)

[CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ HỆ THỐNG 6](#_Toc169535199)

[CHƯƠNG 4. THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ 6](#_Toc169535200)

[KẾT LUẬN 6](#_Toc169535201)

[Kết luận chung 6](#_Toc169535202)

[Hướng phát triển 6](#_Toc169535203)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 7](#_Toc169535204)

[PHỤ LỤC 7](#_Toc169535205)

# DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

# DANH MỤC HÌNH VẼ

# DANH MỤC BẢNG BIỂU

# TÓM TẮT ĐỒ ÁN

PHẦN MỞ ĐẦU

# TỔNG QUAN ĐỀ TÀI

Trong chương này, em trình bày tổng quan về tính cấp thiết của đề tài, đặt vấn đề, mục đích nghiên cứu, phạm vi đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu. Ngoài ra, em sẽ trình bày các hướng nghiên cứu, các công trình nghiên cứu liên quan đã được công bố mà em tham khảo. Từ đó đề xuất các chức năng và yêu cầu của hệ thống.

* 1. **Tính cấp thiết của đề tài**

Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng bậc nhất của đất nước, cả trong quá khứ, hiện tại, ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ nhất đến sự ổn định và phát triển của đất nước, mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Theo Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2017 – 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tăng nhanh, đạt 311,97 tỷ USD, trung bình đạt hơn 44,56 tỷ USD/năm, riêng năm 2023 đạt trên 53 tỷ USD.

A graph of a graph showing the growth of a product

Description automatically generated with medium confidence

Figure 1‑1 Total export value of agricultural, forestry and fishery products of Vietnam

period 2017-2023 (billion USD)

Để có được những thành công trên, chắc chắn có sự đóng góp vô cùng to lớn của khoa học công nghệ. các tiến bộ về khoa học công nghệ đóng góp trên 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Mức độ tổn thất của nông sản đã giảm đáng kể (lúa gạo còn dưới 10%). Mức độ cơ giới hóa ở khâu làm đất đối với các loại cây hàng năm (lúa, mía, ngô, rau màu) đạt khoảng 94%; khâu thu hoạch lúa đạt 50% (các tỉnh đồng bằng đạt 90%). [1]

# CƠ SỞ LÝ THUYẾT

# THIẾT KẾ HỆ THỐNG

# THỬ NGHIỆM VÀ KẾT QUẢ

# KẾT LUẬN

## Kết luận chung

## Hướng phát triển

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

# PHỤ LỤC